

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

NGUYỄN THỊ THU HIỀN

**GIẢI PHÁP HẠN CHẾ VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU
TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH GIA LAI**

**Chuyên ngành: Tài chính Ngân hàng
Mã số: 60.34.20**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2012

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Lâm Chí Dũng

Phản biện 1: TS. Nguyễn Hòa Nhân

Phản biện 2: TS. Nguyễn Phú Thái

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh hợp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 26 tháng 05 năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Cùng với xu hướng phát triển chung trong lĩnh vực ngân hàng, hệ thống ngân hàng thương mại Việt nam đã mở rộng phạm vi hoạt động của mình theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, giảm tỷ trọng tín dụng. Tuy nhiên không thể phủ nhận rằng hiện tại và trong tương lai tín dụng vẫn đem lại nguồn thu chính cho các ngân hàng này. Do vậy, kiểm soát chất lượng tín dụng là một thành phần không thể thiếu trong quản trị ngân hàng với mục tiêu đảm bảo cho hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả. Làm thế nào để hạn chế, quản lý và xử lý được nợ xấu là một đề tài mà các nhà quản trị ngân hàng đã và đang nghiên cứu nhằm hoàn thiện trong điều kiện mới. Nghiên cứu được đường đi của nợ xấu thì mới có thể tìm ra được những nguyên nhân đã dẫn đến việc phát sinh ra nợ xấu. Từ đó mới có thể đưa ra những biện pháp, chính sách phù hợp trong việc điều tiết các hoạt động tín dụng nhằm đảm bảo được nợ xấu ở mức quy định của ngành. Đảm bảo được một tiền đề vững chắc cho sự phát triển có định hướng, có mục tiêu và an toàn, hiệu quả về lâu dài.

Do đó, có thể nhận thấy trong thời điểm hiện nay cùng với sự tăng trưởng của tín dụng thì nợ xấu đang gia tăng cần phải được quan tâm giải quyết. Góp phần đáp ứng đòi hỏi từ thực tiễn nêu trên, tôi đã lựa chọn đề tài: ***“Giải pháp hạn chế và xử lý nợ xấu tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai.”***.

2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về nợ xấu trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng thương mại nhằm làm rõ nội dung và các nhân tố ảnh hưởng đến nợ xấu. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận

cơ bản về nợ xấu của các NHTM, từ kinh nghiệm xử lý nợ xấu của một số NHTM các nước để vận dụng vào hoàn cảnh thực tế tại Việt Nam mà chủ yếu tập trung vào Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai để đề xuất một số giải pháp hạn chế và xử lý nợ xấu.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận và thực tiễn về hạn chế và xử lý nợ xấu tại NHNo&PTNT tỉnh Gia Lai.

Phạm vi nghiên cứu :Về nội dung: Đi sâu vào nghiên cứu giải pháp hạn chế và xử lý nợ xấu tại NHNo&PTNT tỉnh Gia Lai. Về không gian: Tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai. Về thời gian: Căn cứ vào các dữ liệu trong 3 năm từ năm 2009 đến năm 2011.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật lịch sử và Chủ nghĩa duy vật biện chứng, các phương pháp được sử dụng trong quá trình thực hiện đề tài gồm: Phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh kết hợp với phương pháp thống kê sử dụng trong quá trình nghiên cứu để đưa ra nhận xét, đánh giá các vấn đề.

5. KẾT CẤU CỦA ĐỀ TÀI

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và tài liệu tham khảo, luận văn được kết cấu theo 03 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về hạn chế nợ xấu và xử lý nợ xấu ở ngân hàng thương mại.

Chương 2: Hạn chế và xử lý nợ xấu tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai.

Chương 3: Giải pháp hạn chế và xử lý nợ xấu tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HẠN CHẾ VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU Ở NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Khái niệm

Theo khoản 1 Điều 2 Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước: “*Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết*”.

Rủi ro tín dụng không chỉ giới hạn ở hoạt động cho vay mà còn bao gồm nhiều hoạt động mang tính chất tín dụng khác của NHTM như: hoạt động bảo lãnh, tài trợ ngoại thương, cho thuê tài chính.

1.1.2. Các biểu hiện của rủi ro tín dụng

1.1.2.1. Không thu được lãi đúng hạn

Cấp độ thấp nhất khi người vay không trả được lãi đúng hạn, khi đó Ngân hàng sẽ chuyển số lãi đó vào khoản mục lãi treo phát sinh nhập ngoại bảng để theo dõi.

1.1.2.2. Không thu được vốn đúng hạn

Khi không thu được vốn đúng hạn thì rủi ro sẽ ở mức cao hơn, một phần do một lượng vốn vay lớn bị mất. Khi đó, NH sẽ chuyển số nợ đó sang mục nợ quá hạn phát sinh.

1.1.2.3. Không thu đủ lãi

Trong tình trạng này tình hình kinh doanh của KH có thể đã

kém hiệu quả đến mức không thể trả đủ lãi cho NH. Khi đó, NH phải chuyển khoản lãi này vào khoản mục lãi treo đóng băng và thậm chí có thể phải thực hiện miễn giảm lãi cho KH.

1.1.2.4. Không thu đủ vốn cho vay

Tình huống xấu nhất xảy ra khi ngân hàng không thu đủ vốn cho vay và lúc này Ngân hàng đã bị mất vốn.

1.1.3. Hậu quả của rủi ro tín dụng

Trước hết, đối với NHTM

Ở mức độ thấp rủi ro tín dụng là mất đi cơ hội, khả năng tích lũy vốn, làm giảm sức mạnh của NH.

Đối với người đi vay

Với nợ quá hạn người đi vay hoàn toàn mất nguồn tài trợ từ các NH, cơ hội kinh doanh sẽ tuột mất, tài sản sẽ bị tịch thu hoặc phát mại, người đi vay sẽ đứng trước nguy cơ phá sản.

Đối với nền kinh tế xã hội

RRTD chứng tỏ người vay vốn đã không thực hiện được hiệu quả đầu tư như đặt ra khi vay vốn tín dụng từ NHTM. Do đó lợi ích kinh tế xã hội dự kiến nhận được đã không có, sản xuất và lưu thông hàng hoá sẽ đình trệ, chức năng làm công cụ điều tiết nền kinh tế sẽ bị suy yếu. Quyền lợi của người gửi tiền sẽ không được đảm bảo.

1.1.4. Phân loại rủi ro tín dụng

Có nhiều cách phân loại RRTD, việc phân loại rủi ro tín dụng tùy thuộc vào mục đích nghiên cứu, phân tích.

- Theo đối tượng sử dụng vốn vay:

- + Rủi ro khách hàng cá thể
- + Rủi ro khách hàng công ty, tổ chức kinh tế
- + Rủi ro quốc gia hay khu vực địa lý

- Theo phạm vi ảnh hưởng:

- + Rủi ro giao dịch đơn lẻ
- + Rủi ro hệ thống

- Phân theo giai đoạn phát sinh:

- + Rủi ro trong thẩm định
- + Rủi ro khi cho vay
- + Rủi ro trong quản lý, thu hồi nợ

- Phân theo sản phẩm tín dụng:

- + Rủi ro sản phẩm tín dụng nội bảng
- + Rủi ro các sản phẩm phái sinh

Việc phân loại RRTD theo sản phẩm tín dụng khác nhau có đặc điểm khác nhau cấu thành nên rủi ro khác nhau, để có thay đổi trong qui trình quản trị RRTD thích ứng.

1.1.5. Chỉ tiêu đánh giá rủi ro tín dụng:

- *Tỷ lệ nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5/tổng dư nợ*: Chỉ tiêu này phản ánh mức độ rủi ro tín dụng của ngân hàng. Cho thấy với 100 đơn vị tiền tệ khi ngân hàng cho vay thì có bao nhiêu đơn vị tiền tệ mà ngân hàng không thu hồi được đúng hạn tại thời điểm xác định.

- *Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ*: Đây là chỉ tiêu phản ánh chung tỷ lệ của toàn bộ các khoản nợ xấu của ngân hàng so với tổng dư nợ.

- *Tỷ lệ xóa nợ ròng/tổng dư nợ*: Đây là chỉ tiêu đánh giá khả năng thu nợ từ các khoản nợ đã chuyển ra ngoại bảng và đang được các ngân hàng sử dụng biện pháp mạnh để đòi.

Xóa nợ ròng = dư nợ các khoản vay đã xóa nợ vì rủi ro- giá trị các khoản thu bù đắp thiệt hại.

- *Tỷ lệ trích lập dự phòng/ tổng dư nợ*: Đây là tỷ lệ giữa số dư có của tài khoản dự phòng rủi ro tín dụng chia cho tổng dư nợ cuối kỳ.

1.2. HẠN CHẾ VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1. Nợ xấu trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng thương mại

1.2.1.1. Khái niệm nợ xấu

Nợ xấu theo khoản 6 Điều 2 của Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để XLRR tín dụng trong hoạt động ngân hàng của TCTD ban hành kèm theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của NHNN Việt Nam “là các khoản nợ thuộc các nhóm nợ dưới tiêu chuẩn (nhóm 3), nợ nghi ngờ (nhóm 4) và nợ có khả năng mất vốn (nhóm 5)”.

1.2.1.2. Nguyên nhân dẫn đến nợ xấu

a. Nguyên nhân khách quan

+ Môi trường tự nhiên: những biến động lớn về thời tiết, khí hậu gây ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh đặc biệt là lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

+ Môi trường kinh tế: với tư cách là trung gian tài chính, rủi ro trong hoạt động của các Ngân hàng thương mại chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi trình độ phát triển của nền kinh tế.

b. Nguyên nhân chủ quan

- Sự quản lý yếu kém của Ngân hàng
- Trình độ yếu kém của đội ngũ cán bộ ngân hàng.
- Cơ chế trích lập quỹ dự phòng rủi ro không hợp lý.
- Nạn tham nhũng, hối lộ trong hoạt động ngân hàng.
- Nhóm nhân tố chủ quan gây ra từ phía khách hàng.

1.2.1.3. Phân loại nợ xấu

Nợ xấu được phân vào ba nhóm với khả năng thu hồi giảm dần:

- Nợ nhóm 3 (dưới tiêu chuẩn)

- Nợ nhóm 4 (nghỉ ngờ)
- Nợ nhóm 5 (có khả năng mất vốn)

1.2.1.4. Tác động của nợ xấu

a. Tác động của nợ xấu đến hoạt động của NHTM

- Nợ xấu làm giảm uy tín của ngân hàng.
- Nợ xấu ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của ngân hàng.
- Nợ xấu làm giảm lợi nhuận của ngân hàng.
- Nợ xấu có thể làm phá sản ngân hàng
- Nợ xấu làm giảm khả năng hội nhập

b. Tác động của nợ xấu đến nền kinh tế

Theo các chuyên gia phân tích kinh tế, nhìn chung nợ xấu có những tác động chính ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế và làm ảnh hưởng đến hoạt động của các Ngân hàng thương mại như: Làm chậm quá trình tuần hoàn và chu chuyển vốn của các TCTD; Chi phí phát sinh do nợ xấu là rất lớn ; Nợ xấu hạn chế khả năng mở rộng và tăng trưởng tín dụng, khả năng kinh doanh của các TCTD; Nợ xấu ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh NH và ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế bởi khả năng khai thác và đáp ứng vốn, dịch vụ NH cho nền kinh tế.

1.2.2. Quan niệm về hạn chế và xử lý nợ xấu

- Hạn chế nợ xấu là quá trình sử dụng các công cụ, biện pháp trước, trong và sau quá trình cấp tín dụng nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất việc phát sinh nợ xấu.
- Xử lý nợ xấu là những hoạt động của ngân hàng được triển khai khi nợ xấu đã phát sinh nhằm giảm thiểu những tổn thất do nợ xấu gây ra bằng các công cụ phổ biến như: đòi nợ; tái cấu trúc các khoản nợ; bán nợ; phong tỏa tài sản của người vay, thanh lý tài sản thế chấp; gán nợ, xiết nợ; yêu cầu bồi thường từ những người có

trách nhiệm liên đới; sử dụng quỹ dự phòng tài chính hoặc xử lý từ dự phòng rủi ro tín dụng và các biện pháp tài trợ rủi ro tín dụng khác.

1.2.3. Chỉ tiêu đánh giá hạn chế và xử lý nợ xấu

Đối với quá trình hạn chế nợ xấu, có thể đánh giá qua chỉ tiêu mức giảm tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ qua thời gian hoặc xem xét sự biến động của cơ cấu các nhóm nợ trong nợ xấu. Theo đó, tỷ lệ dư nợ của các nhóm có mức độ rủi ro cao hơn ngày càng giảm. Cụ thể, tỷ lệ nợ nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn) trong tổng dư nợ giảm so với hai nhóm còn lại; tỷ lệ nợ nhóm 4 (nợ nghỉ ngờ) trong tổng dư nợ giảm so với tỷ lệ nợ nhóm 3.

Đối với quá trình xử lý nợ xấu, có thể đánh giá qua các chỉ tiêu:

- Mức giảm tỷ lệ xóa nợ ròng/tổng nợ xấu
- Tỷ lệ các khoản nợ xấu đã thu hồi được
- Tỷ lệ các khoản nợ xấu đã tái cấu trúc

1.3. KINH NGHIỆM XỬ LÝ NỢ XẤU CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

1.3.1. Chuẩn mực hệ thống quản lý thông tin tín dụng theo IAS-39 (Chuẩn mực kế toán quốc tế)

Theo chuẩn mực của IAS 39, khoản vay được phân thành 5 loại như sau:

- Chấp nhận
- Đặc biệt chú ý
- Dưới chuẩn
- Khó đòi
- Tổn thất vay

1.3.2. Phương pháp trích lập dự phòng ở Anh

Tại Anh, Cơ quan giám sát không đề ra chính sách chung mà

từng ngân hàng quy định chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS 39) với mục tiêu là phân loại nợ và trích lập dự phòng phản ánh đúng chất lượng tín dụng và khả năng tổn thất mà ngân hàng gặp phải trên cơ sở phân tích tình trạng lưu chuyển tiền tệ của khách hàng.

1.3.3. Phương pháp trích lập dự phòng của các Ngân hàng ở Mỹ

Theo các chuẩn mực kế toán tại Mỹ: Không công nhận các khoản tổn thất trước khi cho rằng chúng có thể đã xảy ra, kể cả khi dựa vào kinh nghiệm quá khứ để có thể cho rằng các khoản tổn thất sẽ phát sinh trong tương lai.

Tuy nhiên, các ngân hàng Mỹ trích lập dự phòng để bù đắp cho các khoản tổn thất tín dụng dự tính hiện có dù cho những tổn thất này phụ thuộc nhiều vào đánh giá chủ quan của các ngân hàng.

1.3.4. Phương pháp trích lập dự phòng ở Pháp

Các ngân hàng ở Pháp luôn dự phòng rủi ro cho tất cả các khoản tín dụng. Các chuẩn mực quản trị rủi ro đo lường rủi ro tín dụng theo hướng luôn tồn tại rủi ro trong các khoản cấp tín dụng, cho dù khoản vay đó có suy giảm hay chưa suy giảm khả năng thanh toán.

1.3.5. Kinh nghiệm quản trị nợ xấu của các TCTD nước ngoài

Bên cạnh đó, các Ngân hàng cũng sử dụng các biện pháp như: chuyển nợ xấu thành chứng khoán, các khoản nợ xấu của khách hàng bắt buộc chuyển sang Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng để tiếp tục theo dõi xử lý theo thẩm quyền theo quy định của Nghị định về mua bán nợ,...

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HẠN CHẾ VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU TẠI

NHNo&PTNT TỈNH GIA LAI

2.1. ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NHNo&PTNT TỈNH GIA LAI

2.1.1. Đặc điểm chung về quá trình hình thành, chức năng nhiệm vụ của NHNo&PTNT Việt Nam

Có thể thấy đặc điểm lớn nhất của NHNo&PTNT VN là: mặc dù là một Ngân hàng thương mại, nhưng từ lịch sử hình thành và phát triển, từ chức năng, nhiệm vụ được giao, nó đã và đang là một Ngân hàng thương mại Nhà nước vừa hoạt động kinh doanh vừa đáp ứng những mục tiêu quản lý vĩ mô của Nhà nước.

2.1.2. Đặc điểm về hoạt động của NHNo&PTNT tỉnh Gia Lai

2.1.2.1. Về nguồn vốn huy động

Nguồn vốn huy động của Chi nhánh luôn đạt được mức tăng trưởng ổn định, đạt mức bình quân giai đoạn 2009 - 2011 là 24%/năm (năm 2009: 2.227 tỷ đồng; năm 2010: 2.720 tỷ đồng; năm 2011: 3.419 tỷ đồng).

2.1.2.2. Tình hình cho vay

Tại Chi nhánh chủ yếu tập trung vào cho vay các TCKT, cá nhân trong nước. Năm 2011 dư nợ cho vay các TCKT, cá nhân đạt 6.481 triệu đồng, tăng 16,6% (923 tỷ đồng) so với năm 2009.

2.1.2.3. Kết quả hoạt động kinh doanh.

Những năm qua Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai đạt được tốc độ tăng trưởng cao. Đến 31/12/2011, tổng tài sản đạt được 6.980 tỷ đồng, tăng 377 tỷ đồng (6%) so với năm 2010. Lợi nhuận tăng qua các năm. Năm 2011 lợi nhuận trước thuế đạt được là 132 tỷ đồng, tăng 23,4 % (25 tỷ đồng) so với năm 2010.

2.2. THỰC TRẠNG HẠN CHẾ VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU TẠI NHNo&PTNT TỈNH GIA LAI

2.2.1. Thực trạng hạn chế nợ xấu tại NHNo&PTNT Tỉnh Gia Lai

2.2.1.1. Các biện pháp mà NH đã thực hiện để hạn chế nợ xấu trong thời gian qua

- Về xây dựng chiến lược quản trị rủi ro: Ngân hàng đã xây dựng chiến lược quản lý rủi ro phù hợp với chiến lược kinh doanh của bản thân ngân hàng trong từng thời kỳ và có thể được điều chỉnh một cách linh hoạt tùy theo diễn biến thị trường tín dụng. Chiến lược quản lý rủi ro của NH nói chung nhằm hạn chế nợ xấu phát sinh đã bước đầu phù hợp với những điểm mạnh điểm yếu của ngân hàng, các cơ hội cũng như các mối đe dọa từ môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, chiến lược quản lý rủi ro của NH vẫn còn chưa được cụ thể hóa, chưa được quán triệt nhất quán cho tất cả các bộ phận trong NH. Mặt khác, chiến lược này chỉ được tiếp cận dưới góc độ quản lý rủi ro của các khoản cho vay riêng biệt mà vẫn chưa tiếp cận dưới góc độ quản trị danh mục tín dụng.

- Xây dựng và thực hiện quy trình quản lý tín dụng: NH đã thực hiện nghiêm ngặt quy trình quản lý tín dụng: từ khâu thẩm định, giải ngân cho vay đến các khâu kiểm tra trước và sau khi cho vay... Việc xây dựng, thực hiện và quản lý nghiêm ngặt quy trình quản lý tín dụng đã giúp cho ngân hàng tránh được rủi ro các khoản nợ xấu phát sinh, phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các sai phạm và các thiếu sót trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

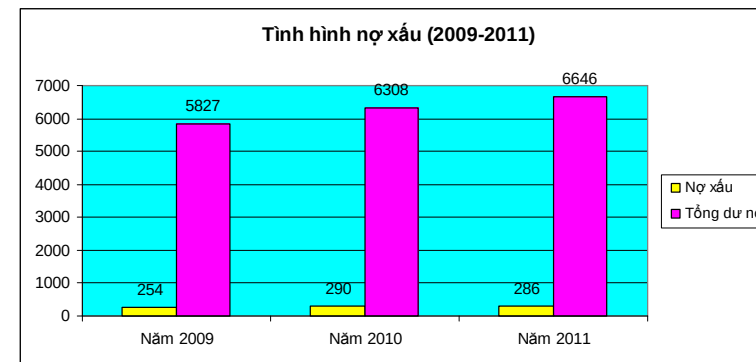
- Kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng: Để hạn chế rủi ro đạo đức, NH đã sử dụng một số biện pháp cơ bản sau: Tiến hành kiểm tra, giám sát tất cả các loại hình tín dụng theo định kỳ nhất định; Xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung quá trình kiểm tra một cách

thận trọng và chi tiết; Kiểm soát và theo dõi thường xuyên những khoản cho vay lớn; Quản lý chặt chẽ và thường xuyên các khoản tín dụng có vấn đề.

- Lựa chọn khách hàng vay vốn: Một giải pháp đang được ngân hàng áp dụng để giảm thiểu tỷ lệ nợ xấu là siết chặt việc thẩm định, lựa chọn khách hàng vay vốn mới, tăng cường giải ngân tín dụng vào các lĩnh vực như nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu và sản xuất – kinh doanh.

- Đào nợ, giãn/hoãn/giảm nợ: Các biện pháp truyền thống như cho vay đảo nợ, giãn/hoãn/giảm nợ cũng mang lại tác dụng trong việc giúp ngân hàng nhanh chóng hạ tỷ lệ nợ xấu xuống mức thấp hơn. Mặc dù không phải là biện pháp hạ tỷ lệ nợ xấu bền vững, nhưng việc đảo nợ sẽ giúp doanh nghiệp có nhiều thời gian hơn để chuẩn bị nguồn tài chính trả nợ đồng thời ngân hàng cũng có cơ hội hạn chế đáng kể việc gia tăng tỷ lệ nợ xấu.

2.2.1.2. Đánh giá kết quả hạn chế nợ xấu



Biểu đồ 2.2: Tình hình nợ xấu của Chi nhánh (2009- 2011)

Nhìn vào biểu đồ 2.2 cho thấy xét về số tuyệt đối, nợ xấu năm 2011 là 286 tỷ đồng, tăng 132 tỷ đồng so với năm 2009 và giảm so với năm 2010 là 4 tỷ đồng. Qua đó cho ta thấy, nợ xấu tại chi nhánh

đã giảm trong năm 2011. Mặc dù, chi nhánh đã đưa ra các chính sách, biện pháp tích cực nhằm hạn chế nợ xấu nhưng nợ xấu vẫn còn khá cao.

- a. *Nợ xấu phân theo nhóm nợ*
- b. *Nợ xấu phân theo ngành nghề kinh doanh*
- c. *Nợ xấu phân theo thành phần kinh tế*
- d. *Nợ xấu phân theo đảm bảo bằng TS*
- e. *Kết quả hạn chế nợ xấu của Chi nhánh*

Trong những năm qua NH đã cố gắng nỗ lực để hạn chế nợ xấu. Ta thấy dư nợ của nhóm 3 đến nhóm 5 ta thấy nợ nhóm 3 tăng qua các năm, cụ thể năm 2009 là 34 tỷ đồng nhưng tới năm 2011 là 56 tỷ đồng (tăng 12 tỷ đồng). Nhưng dư nợ nhóm 4 và nhóm 5 giảm, cụ thể: dư nợ nhóm 4 năm 2010 là 80 tỷ đồng, năm 2011 còn 73 tỷ đồng (giảm 7 tỷ đồng). Dư nợ nhóm 5 năm 2010 là 170 tỷ đồng nhưng năm 2011 là 157 tỷ đồng (giảm 13 tỷ đồng).

2.2.2. Thực trạng xử lý nợ xấu tại NHNo&PTNT tỉnh Gia Lai

2.2.2.1. Các biện pháp mà NH đã thực hiện để xử lý nợ xấu trong thời gian qua

a. Xây dựng phương án xử lý nợ xấu

Hàng năm, trên cơ sở kết quả phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, ngân hàng đã chủ động yêu cầu các chi nhánh rà soát, xây dựng phương án, biện pháp xử lý nợ xấu phát sinh, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu năm sau phải thấp hơn năm trước, đồng thời kiểm soát sự gia tăng nợ xấu đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng của ngân hàng.

b. Xử lý nợ xấu thông qua thu hồi trực tiếp và thông qua phá sản tài sản đảm bảo nợ vay

Trên cơ sở kết quả phân loại nợ định kỳ, ngân hàng chỉ đạo các chi nhánh thực hiện rà soát, xây dựng phương án xử lý, thu hồi nợ

xấu theo từng biện pháp cụ thể. Theo đó, biện pháp thu hồi nợ trực tiếp từ khách hàng, thu hồi nợ thông qua việc phát mãi tài sản đảm bảo được ưu tiên đặt lên hàng đầu.

c. Xử lý nợ xấu bằng biện pháp cơ cấu lại nợ

Cơ cấu lại nợ là biện pháp được sử dụng khi một khoản nợ đến kỳ hạn trả nợ nhưng ngân hàng đánh giá khách hàng khó có khả năng trả nợ cho Ngân hàng theo lịch trả nợ đã ký trước đó do khách hàng gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tuy nhiên nếu ngân hàng thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ (gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ) thì khách hàng hoàn toàn có khả năng trả nợ cho ngân hàng đúng hạn.

d. Xử lý nợ xấu bằng quỹ dự phòng rủi ro

Thực hiện theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, NHNo&PTNT Việt Nam đã ban hành Quyết định số 636/QĐ-HĐQT-XLRR quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai cũng căn cứ vào quy định này và các chỉ đạo, hướng dẫn của ngân hàng cấp trên trong việc quản trị nợ xấu của chi nhánh.

e. Xử lý nợ xấu bằng biện pháp giảm, miễn lãi

Biện pháp này được áp dụng nhằm giảm bớt khó khăn về tài chính cho khách hàng, tạo điều kiện cho khách hàng khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định cuộc sống, khuyến khích khách hàng trả một phần hoặc toàn bộ khoản nợ xấu còn lại tại ngân hàng.

f. Xử lý nợ xấu bằng biện pháp bán nợ

Bán nợ là một trong những biện pháp mới được Ngân hàng nhà nước cho phép các ngân hàng thương mại áp dụng bắt đầu từ năm 2007 theo quyết định số 59/2006/QĐ-NHNN ngày 21/12/2006 của NHNN Việt Nam ban hành Quy chế mua, bán nợ của các TCTD.

g. Xử lý nợ xấu bằng biện pháp pháp lý

Biện pháp pháp lý thường là biện pháp được Ngân hàng áp dụng cuối cùng, sau khi các biện pháp khác đã áp dụng nhưng việc xử lý thu hồi nợ không hiệu quả. Do vậy, cần sự hỗ trợ của các cơ quan pháp luật như Tòa án, Thi hành án nhằm hỗ trợ ngân hàng tận thu hồi nợ vay.

h. Xử lý nợ xấu bằng các biện pháp khác

Ngoài việc xử lý nợ xấu bằng các biện pháp nêu trên, trong thời gian qua NH còn thực hiện biện pháp xử lý nợ xấu trên cơ sở sự giúp đỡ, hỗ trợ, tạo điều kiện của nhiều Bộ, ban ngành như Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, BTC, Kho bạc nhà nước, UBND tỉnh, ...

2.2.2.2. Kết quả xử lý nợ xấu

a. Tỷ lệ quỹ DPRR/dư nợ xấu

Tỷ lệ quỹ DPRR/dư nợ xấu tăng qua các năm, điều này chứng tỏ khả năng bù đắp rủi ro của chi nhánh đã tăng lên. Năm 2009, số trích lập DPRR tại chi nhánh là 60 tỷ đồng nhưng năm 2010 và năm 2011 đã tăng lên 98 tỷ đồng.

b. Tỷ lệ xóa nợ rỗng/dư nợ xấu

Tỷ lệ xóa nợ rỗng/dư nợ xấu là một trong những chỉ tiêu để đánh giá kết quả xử lý nợ xấu của ngân hàng. Ta thấy tỷ lệ xóa nợ rỗng/dư nợ xấu giảm qua các năm. Qua đó cho thấy các biện pháp xử lý nợ xấu của chi nhánh đã từng bước có hiệu quả. Thu nợ XLRR qua từng năm tăng lên đáng kể (năm 2010 là 19 tỷ đồng, đến năm 2011 đã tăng lên 27 tỷ đồng).

c. Kết quả thu hồi nợ xấu của Chi nhánh

Trong những năm qua, Ngân hàng đã cố gắng nỗ lực, quyết tâm áp dụng mọi biện pháp quyết liệt để tận thu hồi nợ, giảm nợ xấu nhằm tiến tới cổ phần hóa và hội nhập với nền kinh tế quốc tế.

Bảng 2.13: Kết quả thu hồi nợ xấu của Chi nhánh (2009- 2011)

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Các biện pháp xử lý	Số nợ xấu thu hồi	Tỷ lệ
	Tổng số	287	100%
1	Thu nợ trực tiếp và phát mãi TS	65	23%
2	Xử lý bằng quỹ DPRR	137	47,7%
3	Cơ cấu lại nợ	27	9,4%
4	Miễn giảm lãi	24	8,4%
5	Bán nợ	19	6,6%
6	Sử dụng biện pháp pháp lý	12	4,2%
7	Các biện pháp khác	3	1%

(Nguồn: Số liệu được khai thác trên hệ thống IPCAS của NHNo)

Như vậy trong thời gian qua nợ xấu của ngân hàng được xử lý chủ yếu thông qua việc sử dụng biện pháp sử dụng quỹ dự phòng để xử lý (chiếm 47,7%), tiếp đến là sử dụng biện pháp thu hồi nợ trực tiếp và phát mãi tài sản đảm bảo (chiếm 23%).

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC HẠN CHẾ VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU TẠI NHNo&PTNT TỈNH GIA LAI

2.3.1. Những ưu điểm

NHNo& PTNT Việt Nam nói chung và Chi nhánh Gia Lai nói riêng đã có sự quan tâm đúng mức, nhận thức được tầm quan trọng của công tác phân loại nợ và trích lập dự phòng trong công tác quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động tín dụng trên toàn hệ thống. Nhiều văn bản hướng dẫn, quy trình, quy định đã được ban hành kịp thời để có sự thấu hiểu và áp dụng thống nhất. NH đã vận dụng tốt quy trình và thực hiện phân loại nợ cho kết quả khá chính xác nhờ sự hỗ trợ từ chương trình tin học phù hợp với công tác quản lý KH.

NH đang trong quá trình ứng dụng mô hình quản trị rủi ro theo hướng hiện đại và hướng đến chuẩn mực quốc tế với việc phân tách các phòng chức năng theo hướng chuyên môn hóa cao. Đây là mô hình tổ chức khá phổ biến của các ngân hàng trên thế giới. Đặc biệt, NH đã và đang rất chú trọng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc hỗ trợ các Chi nhánh trong công tác phân loại nợ đảm bảo kết quả phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro khá chính xác.

Hệ thống thông tin tin dụng nội bộ ngày càng được hoàn thiện, thực hiện cung cấp các thông tin, chuyên đề phân tích về ngành thường xuyên cho các Chi nhánh để tăng khả năng nắm bắt thông tin, phục vụ cho công tác quản trị rủi ro và phân loại nợ đối với khách hàng.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

2.3.2.1. Hạn chế

- a. Về cơ chế chính sách
- b. Về chấp hành quy trình nghiệp vụ
- c. Về quản lý các khoản nợ xấu
- d. Về xử lý thu hồi nợ xấu và nợ đã XLRR

2.3.2.2. Nguyên nhân

- a. Quyền chủ động của NH còn bị hạn chế
- b. Năng lực quản trị rủi ro chưa cao
- c. Trình độ cán bộ ngân hàng
- d. Sự bất cập của các văn bản pháp lý có liên quan
- e. Sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan chức năng
- f. Sự chậm trễ trong việc sắp xếp lại các DNNN
- g. Thị trường bất động sản ở Việt Nam chưa phát triển mạnh

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HẠN CHẾ VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU

TẠI NHNo&PTNT TỈNH GIA LAI

3.1. ĐỊNH HƯỚNG HẠN CHẾ VÀ XỬ LÝ NỢ XẤU CỦA NHNo&PTNT TỈNH GIA LAI

3.1.1. Định hướng hoạt động kinh doanh của NHNo&PTNT Việt Nam đến năm 2015

- Nâng cao năng lực tài chính, đáp ứng các chỉ số an toàn hoạt động, cải thiện chất lượng tài sản, nâng cao hiệu quả kinh doanh và bền vững cao về tài chính.

- Nâng cấp các Chi nhánh khu vực đô thị để cạnh tranh ngang bằng với các NH nước ngoài, NH liên doanh, NH cổ phần.

- Khai thác tối đa tiềm năng thị trường nông thôn truyền thống.

- Đầu tư công nghệ thông tin tạo cơ sở phát triển đầy đủ các sản phẩm dịch vụ tiên tiến, hiện đại.

- Phát triển đầy đủ, đa dạng các sản phẩm dịch vụ NH đáp ứng nhu cầu cạnh tranh, hội nhập.

- Tăng cường tiếp thị khuyến khích KH sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của NH. Đặc biệt chú ý tới việc xây dựng hình ảnh và quảng bá thương hiệu của NH. Tích cực nghiên cứu thị trường để nắm bắt nhu cầu của KH và phản ứng nhanh, linh hoạt với thay đổi của thị trường. Xây dựng duy trì và phát triển quan hệ KH, đặc biệt là lòng tin và mối quan hệ lâu dài với KH.

- Tập trung nguồn lực xây dựng hệ thống quản trị rủi ro tập trung, độc lập và toàn diện theo tiêu chuẩn quốc tế để nâng cao chất lượng tín dụng, hiệu quả hoạt động, tạo tiền đề cho phát triển bền vững.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua việc áp dụng các thông lệ quốc tế vào công tác tổ chức quản lý và điều hành NH.

- Nâng cao năng suất lao động, xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng tới KH. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực xây dựng một lực lượng lao động có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của một NH hiện đại.

3.1.2. Định hướng hạn chế và xử lý nợ xấu của NHNo&PTNT tỉnh Gia Lai

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát tăng trưởng tín dụng, chất lượng tín dụng, đảm bảo tăng trưởng bền vững, chất lượng, hiệu quả và an toàn, phân đầu trích đủ dự phòng rủi ro theo quy định.

Chủ động tạo nguồn vốn để xử lý các khoản nợ xấu bằng việc trích lập dự phòng rủi ro.

Tập trung làm sạch bảng tổng kết tài sản thông qua việc xử lý cơ bản các khoản nợ xấu, tận thu hồi tối đa các khoản nợ đã chuyển hạch toán ngoại bảng để tăng năng lực tài chính của Ngân hàng.

Nâng cao năng lực tài chính cho ngân hàng là thực hành tiết kiệm trong kinh doanh để dồn trích đủ dự phòng rủi ro nhằm đáp ứng cơ bản nguồn vốn để xử lý dứt điểm nợ xấu còn tồn đọng cũng như các khoản nợ xấu phát sinh sau này.

Gắn phương án xử lý nợ xấu, xây dựng phương án tăng vốn điều lệ để tăng năng lực và tiềm lực tài chính cho NH. Đề ra các giải pháp xử lý khả thi để đảm bảo xử lý dứt điểm nợ xấu.

3.2. GIẢI PHÁP NHẢM HẠN CHẾ NỢ XẤU

3.2.1. Chấp hành đúng quy trình cho vay

Thực hiện đúng quy trình cho vay, thường xuyên cập nhật thông tin về khách hàng, thực hiện việc định kỳ hạn nợ chính xác, phù hợp với chu kỳ SX của KH, thực hiện việc đánh giá, phân loại nợ

để định hướng mức độ rủi ro và phải được thực hiện ngay khi xem xét cho vay, thực hiện việc tốt công tác chấm điểm, xếp loại khách hàng, thực hiện việc tốt công tác chấm điểm, xếp loại khách hàng, kiểm tra giám sát sau khi cho vay. Bên cạnh đó, các Chi nhánh phải xác định số lượng khách hàng và dư nợ phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và khả năng quản lý của từng CBTD để thực hiện tốt việc kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay.

3.2.2. Đa dạng hóa các dịch vụ ngân hàng

Việc đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng sẽ giúp cho các Chi nhánh phân tán và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Tại các NHTM Việt Nam, doanh thu từ hoạt động tín dụng luôn chiếm tỷ trọng cao cho dù tín dụng lại là lĩnh vực chứa đựng nhiều rủi ro. Vì vậy, việc thực hiện đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ bên cạnh sản phẩm tín dụng truyền thống sẽ giúp cho các Chi nhánh phân tán và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Trong thực tế cũng chứng minh rõ, thu dịch vụ có tính ổn định cao, bảo đảm an toàn trong hoạt động và hiệu quả mang lại cao nhất.

3.2.3. Nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ CBTD, cán bộ quản lý

Yếu tố con người là yếu tố quan trọng nhất trong sự thành công. Vì vậy, để hạn chế rủi ro trong hoạt động tín dụng cần phải có đội ngũ CBTD có phẩm chất, năng lực công tác, và tinh thần trách nhiệm, tận tụy với công việc.

3.2.4. Giáo dục phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ:

Thường xuyên quan tâm đến việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ CBTD. Một người có đạo đức tốt, thái độ hành xử đúng mức sẽ rất cần nhắc trong việc giải quyết cho vay trên cơ sở đầy đủ những thủ tục theo quy định và dự án có hiệu quả.

3.2.5. Tăng cường, duy trì công tác kiểm tra, giám sát và kiểm tra chuyên đề đối với hoạt động tín dụng

Thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy trình, thủ tục cho vay, kịp thời phát hiện các tồn tại, sai phạm, các "lỗ hổng" trong hoạt động tín dụng để đề ra các giải pháp chấn chỉnh phù hợp.

3.2.6. Hạn chế việc giải ngân bằng tiền mặt

Giải ngân qua tài khoản tiền gửi sẽ giúp cho KH sử dụng vốn có hiệu quả hơn.

3.2.7. Tích cực theo dõi thu hồi nợ gốc, nợ lãi

Khi khoản vay đã được giải ngân thì CBTD phải có trách nhiệm kiểm tra định kỳ việc thực hiện trả nợ, đôn đốc việc trả nợ khi khoản nợ đó đã quá hạn theo kế hoạch trả nợ mà không có sự điều chỉnh.

3.2.8. Chú trọng việc phân tích, dự báo thị trường và các nguyên nhân khách quan khác

Các điều kiện kinh tế xã hội có ảnh hưởng lớn đến khả năng trả nợ của KH vay nếu các điều kiện này vượt quá sự kiểm soát của người cho vay và người đi vay. Do đó, ngân hàng cần phải có bộ phận để theo dõi dự báo các điều kiện này.

3.3. GIẢI PHÁP NHẪM XỬ LÝ NỢ XẤU TẠI CHI NHÁNH

3.3.1. Giám sát nợ xấu một cách có hiệu quả thông qua hoạt động phân tích, phân loại nợ xấu theo định kỳ

Để việc xử lý nợ xấu được kịp thời, đạt được hiệu quả cao thì khâu cảnh báo, phát hiện sớm nợ xấu phát sinh là rất quan trọng, quyết định trực tiếp đến quá trình xử lý nợ sau này. Duy trì thường xuyên việc kiểm tra, phân tích, đánh giá thực trạng nguyên nhân phát sinh nợ xấu, làm rõ trách nhiệm của cá nhân có liên quan nhất là ở những đơn vị, cá nhân phụ trách có tỷ lệ nợ xấu tăng nhanh, gần

trách nhiệm thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý rủi ro với trách nhiệm của cá nhân trong cho vay.

3.3.2. Đẩy mạnh công tác thu hồi nợ trực tiếp

Trên cơ sở kết quả việc phân tích và phân loại nợ xấu, ngân hàng cần tiến hành các biện pháp thích hợp đôn đốc khách hàng huy động các nguồn vốn hợp pháp để trả nợ vay ngân hàng trong thời gian ngắn nhất.

3.3.3. Cơ cấu lại nợ cho khách hàng trên cơ sở nguồn thu đảm bảo, chắc chắn và phương án trả nợ cơ cấu khả thi

Đối với khoản nợ xấu phát sinh do nguyên nhân khách quan nhưng chưa phải là bất khả kháng, KH còn tồn tại và hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường và NH có đủ thông tin để đánh giá KH có khả năng phát triển trong tương lai, thì NH có thể xem xét thực hiện việc cơ cấu lại nợ cho KH nhằm giảm bớt sức ép trả nợ đến hạn, giúp cho KH có được cơ hội để tiếp tục SXKD và có nguồn thu để trả nợ cho NH.

3.3.4. Tiếp tục khai thác xử lý các khoản nợ có tài sản bảo đảm

Đây là một trong những nguồn thu mà NH có thể thu hồi được một phần hay toàn bộ khoản vay.

3.3.5. Trích lập và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro hợp lý và có hiệu quả

Để đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh trong trường hợp có rủi ro xảy ra, NH cần tuân thủ các quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động NH của TCTD.

3.3.6. Bán các khoản nợ xấu

Bằng việc tham gia thị trường mua bán nợ, ngân hàng có thể xem xét bán các khoản nợ xấu cho các công ty mua bán nợ, các ngân hàng hoặc các chủ thể kinh tế khác theo quy định hiện hành.

3.3.7. Xóa nợ

Đây là giải pháp sau cùng trong tất cả các giải pháp xử lý nợ để làm sạch bảng tổng kết tài sản NH cho các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

3.4. CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG XỬ LÝ NỢ XẤU

3.5. KIẾN NGHỊ

3.5.1. Kiến nghị với Chính phủ:

3.5.1.1. Tăng cường vai trò của Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp trực thuộc Bộ Tài chính.

3.5.1.2. Hoàn thiện cơ chế pháp lý trong việc xử lý tài sản đảm bảo

3.5.2. Kiến nghị đối với NHNN

Để tạo điều kiện cho các NHTM được chủ động thực hiện tốt hơn công tác phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng, kiến nghị NHNN chỉ đạo các Vụ, Cục có liên quan cần tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng. Tăng cường công tác thanh tra hoạt động tín dụng của các NHTM, từ đó có thể sớm phát hiện các sai sót, xu hướng lệch lạc...để chỉ đạo và phòng ngừa, chỉnh sửa và khắc phục một cách triệt để.

KẾT LUẬN

Xử lý nợ xấu nhằm lành mạnh hóa tài chính của các NHTM là một trong những trọng tâm lớn trong tiến trình tái cơ cấu hệ thống NHTM hiện nay. Vấn đề giải quyết nợ xấu, làm lành mạnh tình hình tài chính của các NHTM cũng là một nhân tố quan trọng trong tiến trình tái cơ cấu hệ thống NH bởi sự yếu kém của hệ thống NHTM sẽ có tác động tiêu cực tới các lĩnh vực khác của nền kinh tế trong thời gian tới, nhất là khi nước ta đang trong lộ trình hội nhập quốc tế.

Kinh doanh ngân hàng gắn liền với rủi ro, bởi vậy nợ xấu là một thực tế khách quan trong hoạt động tín dụng của NHTM. Với mục tiêu đề tài đặt ra là nghiên cứu nhằm phân tích, đánh giá thực trạng nợ xấu và đề xuất các giải pháp hạn chế nợ xấu, xử lý nợ xấu tại NHNo&PTNT tỉnh Gia Lai, kết quả nghiên cứu đã đạt được một số vấn đề cơ bản sau:

Một là: Luận văn đã làm rõ khái niệm nợ xấu. Trên cơ sở những lý luận đó có những nhận thức mới về nợ xấu, phân loại nợ xấu.

Hai là: Phân tích các nhân tố tác động, ảnh hưởng, nguyên nhân gây nên nợ xấu của NHTM. Đúc kết kinh nghiệm của các NHTM trong công tác quản trị nợ xấu.

Ba là: Luận văn tập trung phân tích, đánh giá tình hình nợ xấu trong 3 năm (2009-2011) của NHNo&PTNT tỉnh Gia Lai.

Bốn là: Luận văn nêu lên nội dung và nguyên nhân chủ yếu gây nên nợ xấu của NH; biện pháp hạn chế và xử lý nợ xấu; những tồn tại, hạn chế trong công tác hạn chế và xử lý nợ xấu của NH.

Năm là: Luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế phát sinh nợ xấu; các giải pháp nhằm xử lý nợ xấu tại Chi nhánh.

Trong quá trình hoàn thành Luận văn này, tôi đã nhận được sự giúp đỡ, cung cấp tài liệu, sự chỉ bảo tận tình của Thầy giáo hướng dẫn PGS.TS. Lâm Chí Dũng, các anh, chị, em và bạn bè đồng nghiệp. Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất cho sự giúp đỡ quý báu này.

Mặc dù đã hết sức cố gắng trong việc nghiên cứu, thu thập tài liệu nhưng do thời gian nghiên cứu có hạn và bị chi phối bởi nhiều yếu tố cho nên Luận văn chắc chắn khó tránh khỏi những khiếm khuyết. Tác giả mong nhận được những lời góp ý của Thầy giáo, Cô giáo, các nhà khoa học và các bạn bè đồng nghiệp cũng như những người quan tâm đến vấn đề này. Xin chân thành cảm ơn./.